

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HS-ST

Ngày: 07-9- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tin
2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên
tòa:** Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2023/HSST ngày 16/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/HSST ngày 26/8/2023 đối với bị cáo:

Dương Văn D, sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Dương Văn L (đã chết) và bà Mã Thị N; vợ là Phùng Thị N, bị cáo có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Hoàng Tuấn V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Chu Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1999; địa chỉ: Nguyễn Văn K, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Anh Trần Đức T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

5. Chị Ngô Thị Phương A, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Lý Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/4/2023, Dương Văn D đi bộ từ khu vực gầm cầu vượt Ngã tư Y đến cửa hàng điện thoại “Toan cau di dong” thấy bên trong cửa hàng có 02 nhân viên đang ngồi bán hàng là chị Ngô Thị Phương A, sinh năm 2004 ở tổ Tân Thành, Đa Mai, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và chị Lý Thị H, sinh năm 1994, trú tại thôn A, xã T, huyện Y. D đi đến vị trí chị Ngô Thị Phương A giả vờ hỏi mua 02 điện thoại di động có giá từ 3.000.000đồng đến 4.000.000đồng. Chị Phương A lấy ra 02 chiếc điện thoại di động: ViVo Y16 màu vàng và Xiaomi Redmi12C màu đen đưa cho D. D cầm 02 điện thoại trên tay để xem và tiếp tục hỏi mua điện thoại tầm giá 5.000.000 đ. Thấy chị Phương A đang đi lấy điện thoại thì D cầm 02 điện thoại ViVo Y16 và Xiaomi Redmi12C bỏ chạy khỏi cửa hàng. Chị Phương A thấy vậy hô hoán và cùng chị H đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi chiếm đoạt được 02 điện thoại di động, D bỏ chạy khỏi cửa hàng và di chuyển ra cầu vượt ngã tư Y. Trên đường đi, D vứt chiếc áo khoác dài tay và chiếc mũ lưỡi trai đang mặc xuống chân cầu vượt rồi ra gầm cầu bắt xe ôm của anh Chu Văn T đến cửa hàng điện thoại di động Anh Khoa Mobile tại Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang gặp anh Nguyễn Văn K là chủ cửa hàng. D cầm cố chiếc điện thoại Xiaomi Redmi12C cho anh Khoa được số tiền 1.000.000 đ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D đi đến cửa hàng điện thoại di động Trọng H gặp anh Nguyễn Trọng H là chủ cửa hàng, D bán chiếc điện thoại ViVo Y16 cho anh H được số tiền 2.200.000đ. Đến khoảng 08 giờ ngày 24/4/2023, D quay lại cửa hàng điện thoại Anh Khoa Mobile chuộc lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi12C rồi mang chiếc điện thoại Xiaomi Redmi12C đến cửa hàng điện thoại di động Minh Quân Mobile ở tổ dân phố My Điền 1, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên gặp anh Trần Đức T, sinh năm 1983 ở tổ dân phố My Điền 1, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên là chủ cửa hàng. D bán chiếc điện thoại Xiaomi Redmi12C cho anh T được số tiền 1.600.000đồng. Số tiền 3.800.000đồng có được từ bán 02 điện thoại do phạm tội mà có D sử dụng mua 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng giá 1.500.000đồng, 01 tai nghe không dây giá 250.000đồng, tiêu xài cá nhân hết còn số tiền 1.100.000đồng.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành trích xuất hình ảnh camera tại cửa hàng điện thoại “Toan cau di dong”, tiến hành khám nghiệm hiện trường và tổ chức xác minh làm rõ.

Ngày 24/4/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Y tiến hành bắt khẩn cấp Dương Văn D, thu giữ của D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 tai nghe không dây màu đen, số tiền 1.100.000đ. Tiến hành kiểm tra xác định D dương tính với ma túy heroine.

Tại Cơ quan điều tra D khai nhận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 tai nghe không dây màu đen là tài sản D sử dụng số tiền do phạm tội mà có để mua, 1.100.000đồng là số tiền còn lại từ việc bán 02 điện thoại cướp giật được Doanh chưa chi tiêu hết.

Ngày 24/4/2023, Cơ quan điều tra cho Dương Văn D xác định hiện trường, tiến hành thu giữ tại khu vực chân cầu vượt ngã tư Y thuộc thôn Nội, xã Nội Hoàng, huyện Y 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, 01 mũ lưỡi trai màu đen. Đây là trang phục D mặc khi thực hiện hành vi phạm tội sau đó vứt tại vị trí chân cầu vượt ngã tư Y.

Ngày 24/4/2023, anh Trần Đức T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Xiaomi Redmi12C; anh Nguyễn Trọng H giao nộp 01 chiếc điện thoại ViVo Y16 cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐDGTS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y16 màu vàng trị giá 3.480.000đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C màu đen trị giá 2.580.000đồng.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 75/CT-VKSYD ngày 10/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Dương Văn D về tội “Cướp giật tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố.

Khi luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn D từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Dương Văn D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H 2.200.000đồng và anh Trần Đức T 1.600.000đồng

Về xử lý vật chứng, án phí: Áp dụng Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, 01 mũ lưỡi trai màu đen; trả lại bị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 tai nghe không dây màu đen và số tiền 1.100.000đồng. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Dương Văn D.

Bị cáo đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội, nguyên nhân, mục đích phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/4/2023, tại cửa hàng điện thoại “Toan cau di dong” thuộc thôn Nội, xã Nội Hoàng, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, Dương Văn D sau khi nhận được tài sản là 02 chiếc điện thoại di động ViVo Y16 và Xiaomi Redmi12C tổng trị giá 6.060.000 đồng của anh Hoàng Tuấn V đã nhanh chóng tẩu thoát rồi chiếm đoạt số tài sản này của anh Vũ. Sau đó D bán chiếc điện thoại ViVo Y16 cho anh Nguyễn Trọng H được số tiền 2.200.000đồng, bán chiếc điện thoại Xiaomi Redmi12C cho anh Trần Đức T được số tiền 1.600.000đồng.

Khi thực hiện hành vi bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Văn D đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo với tội D, điều khoản như vậy là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Do đó cần áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo khai báo thành khẩn, không có tình tiết tăng nặng. Nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là cao chưa phù hợp.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh H và anh T. Do đó cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H 2.200.000đồng và anh Trần Đức T 1.600.000đồng. Số tiền 1.100.000đồng thu của bị cáo là số tiền bị cáo bán điện thoại cho anh H và anh T mà có. Vì vậy cần khấu trừ số tiền 1.100.000đồng thu của bị cáo vào số tiền bị cáo phải bồi thường. Cụ thể: Khấu trừ 550.000đồng để trả anh Nguyễn Trọng H, khấu trừ 550.000đồng để trả anh Trần Đức T. Bị cáo còn phải bồi thường cho anh H số tiền 1.650.000đồng, bồi thường anh T số tiền 1.050.000đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, 01 mũ lưỡi trai màu đen không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 tai nghe không dây màu đen do bị cáo sử dụng số tiền mà anh T, anh H giao cho để mua. Do bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T, anh H Số tiền này nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 1.100.000đồng cần được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H và Trần Đức T là phù hợp với quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo Dương Văn D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về các vấn đề khác: Bộ khai trong vụ án này còn có đối tượng tên Thảo cùng Bộ thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng này nên đã tách ra điều tra làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với việc Dương Văn D có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 15/7/2023 Cơ quan điều tra Công an huyện Y có công văn đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Dương Văn D là phù hợp.

Đối với anh Chu Văn T là người điều khiển xe mô tô chở D đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Trọng H, anh Trần Đức T có hành vi mua, nhận cầm cố điện thoại do D phạm tội mà có. Tuy nhiên anh Thường, Khoa, anh H, anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn D 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Dương Văn D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H 2.200.000đồng và anh Trần Đức T 1.600.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền 1.100.000đồng thu của bị cáo. Bị cáo còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 1.650.000đồng và bồi thường anh Trần Đức T số tiền 1.050.000đồng.

3. Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ vào điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, 01 mũ lưỡi trai màu đen.

Trả lại bị cáo Dương Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 tai nghe không dây màu đen. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Khấu trừ số tiền 1.100.000đồng thu của bị cáo vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H và Trần Đức T.

Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Dương Văn D.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Về Hướng dẫn thi hành án: Trong thời hạn bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Văn Hiếu